TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -8 - 2017
V/v*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Ông Nguyễn Văn Biên.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung. Tòa án nhân dân huyện hà Trung xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 69/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 40, phường KT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Lê Duy N1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà X, Tiểu Khu Y, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2017, bản tự khai ngày 26/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Duy N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường KT, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vào ngày

23/11/2014. Sau hai năm chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã bất đồng về quan điểm sống, không thể giải hòa. Từ tháng 4/2017 vợ chồng đã ly thân, chị N về thành phố Lào Cai sinh sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Duy N1.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê N1 Linh Đ, sinh ngày 06/02/2016, hiện Đg ở với chị N, ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Đ, yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Duy N1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vào ngày 23/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mới lấy nhau ở chung cùng gia đình chồng, chị N còn nhiều bỡ ngỡ chưa quen lối sống ở quê, vợ chồng cũng có bất đồng về quan điểm sống, từ tháng 4/2017 chị N đã về Lào Cai sinh sống, anh N1 đã ra động viên nhưng chị N không về, nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng Đg còn. Tại phiên tòa, chị N xin ly hôn anh N1 đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 06/02/2016, hiện Đg ở với chị N. Nếu ly hôn anh N1 đề nghị giao cháu Đ cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị N nuôi con chung anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng từ 500.000đ đến 1.000.000đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Duy N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn còn lại là mâu thuẫn, nguyên nhân mâu mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau; vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017, mặc dù anh N1 có níu kéo khuyên giải chị N về đoàn tụ, Tòa án đã hòa giải khuyên vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, tại phiên tòa anh N1 đồng ý ly hôn với chị N, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng

đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh N1 là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 06/02/2016. Chị N và anh N1 đều có yêu cầu được nuôi con, xét yêu cầu nuôi con của chị N và anh N1 là chính đáng. Thấy rằng chị N có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng 8.000.000đ/tháng. Anh N1 khai rằng anh làm kinh doanh cùng bố mẹ thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng, chị N tuy chưa có chỗ ở như anh N1, hiện tại anh N1 sống với bố mẹ đẻ, chị N Đg phải ở nhờ người thân nhưng có thể khắc phục được, mẹ chị N có đề nghị hỗ trợ thêm trong việc chăm sóc cháu Đ cùng chị N nếu Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu Đ là nữ giới, tại thời điểm xét xử cháu chưa đủ 03 tuổi, giao con chung cho chị N sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Đ theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N1 không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ/tháng là phù hợp.

[3]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST về việc ly hôn, anh N1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Lê Duy N1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Ngọc Linh Đ, sinh ngày 06/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Duy N1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Anh N1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh N1 phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm thi hành án bằng 50% mức lãi xuất giới hạn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004684 ngày 21/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị N đã nộp đủ án phí. Buộc anh Lê Duy N1 phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị N, anh N1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt